

**DANH MỤC**  
**THÀNH PHẦN HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHẢI SỐ HÓA THUỘC**  
**THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
(Kèm theo Quyết định số 1975/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực bảo vệ thực vật</b>				
1	1.004493.000.00.00.H59	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)	<p>Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).</p> <p>Sản phẩm quảng cáo (nội dung, hình thức quảng cáo được thể hiện bằng hình ảnh, âm thanh, tiếng nói, chữ viết, biểu tượng, màu sắc, ánh sáng và các hình thức tương tự).</p> <p>Danh sách báo cáo viên ghi đầy đủ thông tin về bằng cấp chuyên môn hoặc chức danh khoa học của báo cáo viên (đối với trường hợp hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hoá, thể thao).</p> <p>Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật.</p>	<p>000.00.00.G10-KQ0573</p> <p>000.00.00.G10-KQ0575</p> <p>000.00.00.G10-KQ0576</p> <p>000.00.00.G10-KQ1776</p>	Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			<b>Kết quả giải quyết:</b> Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)	KQ.G10.000066	
2	1.004346.000.00.00.H59	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).	000.00.00.G10-KQ1400	Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới, bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ lĩnh vực bảo vệ thực vật, thú y thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
			Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).	000.00.00.G10-KQ1402	
			<b>Kết quả giải quyết:</b> Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	KQ.G10.000070	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
3	1.004363.000.00.00.H59	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	<p>Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)</p> <p>Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).</p>	000.00.00.G10-KQ1761	Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới, bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ lĩnh vực bảo vệ thực vật, thú y thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
			<b>Kết quả giải quyết:</b> Giấy chứng nhận đủ điều	KQ.G10.000070	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật		
4	<u>1.007931.000.00.00.H59</u>	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP.	000.00.00.G10-KQ003652	Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới, bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ lĩnh vực bảo vệ thực vật, thú y, lâm nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
			Bản sao Bảng tốt nghiệp trung cấp trở lên của người trực tiếp buôn bán phân bón theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Trồng trọt (trường hợp có thông tin về chứng nhận đã được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón được thể hiện tại Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón thì không phải nộp thành phần hồ sơ này).	000.00.00.G10-KQ003653	
			<b>Kết quả giải quyết:</b> Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	KQ.G10.000071	
5	1.007932.000.00.00.H59	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP;	000.00.00.G10-KQ003644	Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 của Chủ tịch Ủy
			Bản sao Bảng tốt nghiệp trung cấp trở lên của	000.00.00.G10-	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			người trực tiếp buôn bán phân bón theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Trồng trọt (trường hợp có thông tin về chứng nhận đã được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón được thể hiện tại Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón thì không phải nộp thành phần hồ sơ này).	KQ003649	ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới, bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ lĩnh vực bảo vệ thực vật, thú y, lâm nghiệp
			Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp.	000.00.00.G10-KQ003647	thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
			<b>Kết quả giải quyết:</b> Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	KQ.G10.000071	chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	<b><u>1.007933.000.00.00.H59</u></b>	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	Giấy xác nhận nội dung quảng cáo Văn bản xác nhận nội dung quảng cáo có giá trị trên phạm vi toàn quốc.	000.00.00.G10-KQ2726	Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới danh mục thủ
			Bản sao hợp lệ Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam;	000.00.00.G10-KQ2727	
			02 kịch bản quảng cáo và file điện tử ghi âm, ghi hình hoặc bản thiết kế phù hợp với loại hình và phương thức quảng cáo (trừ quảng cáo thông qua hình thức hội thảo, hội nghị, tổ chức sự	000.00.00.G10-KQ2728	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			kiện); Đối với quảng cáo thông qua hình thức hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện phải có: chương trình (ghi rõ nội dung); thời gian; địa điểm tổ chức; nội dung bài báo cáo và tài liệu phát cho người dự; bảng kê tên, chức danh, trình độ chuyên môn của báo cáo viên. <b>Kết quả giải quyết:</b> Giấy xác nhận nội dung quảng cáo	000.00.00.G10-KQ2729  KQ.G10.000074	tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực thủy sản</b>				
1	1.004684.000.00.00.H59	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)	Đơn đăng ký theo Mẫu số 29. NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; Bản thuyết minh dự án nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 30. NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; Báo cáo đánh giá tác động môi trường nuôi trồng thủy sản hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo quy định Sơ đồ khu vực biển kèm theo tọa độ các điểm góc của khu vực biển đề nghị giao. <b>Kết quả giải quyết:</b> Giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển	000.00.00.G10-KQ1523  000.00.00.G10-KQ1524  000.00.00.G10-KQ1525  000.00.00.G10-KQ1526  KQ.G10.000090	Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới, bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực bảo vệ thực vật, thú y,

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
					thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	1.004692.000.00.00.H59	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	<p>Đơn đăng ký theo Mẫu số 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;</p> <p>Sơ đồ mặt bằng vị trí ao/lồng nuôi có xác nhận của chủ cơ sở</p> <p>Đơn đăng ký lại theo Mẫu số 27.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;</p> <p>Bản chính giấy xác nhận đăng ký đã được cấp (trừ trường hợp bị mất);</p> <p>Sơ đồ mặt bằng vị trí ao/lồng nuôi có xác nhận của chủ cơ sở (đối với trường hợp thay đổi quy mô sản xuất); trường hợp thay đổi chủ cơ sở phải có giấy tờ chứng minh sự thay đổi.</p> <p><b>Kết quả giải quyết:</b> giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực</p>	<p>000.00.00.G10-KQ3072</p> <p>000.00.00.G10-KQ3074</p> <p>000.00.00.G10-KQ3075</p> <p>000.00.00.G10-KQ3076</p> <p>000.00.00.G10-KQ004602</p> <p>KQ.G10.000134</p>	<p>Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới, bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực bảo vệ thực vật, thú y, thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở</p>

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
					Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	1.004918.000.00.00.H59	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;	000.00.00.G10-KQ004572	Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới, bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực bảo vệ thực vật, thú y, thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
			Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;	000.00.00.G10-KQ004571	
			Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân;	000.00.00.G10-KQ004573	
			Bản chính Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản đã được cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận bị mất.	000.00.00.G10-KQ004574	
			<b>Kết quả giải quyết:</b> Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.	KQ.G10.000476	



STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4	1.004344.000.00.00.H59	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	Tờ khai theo Mẫu số 31 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.	000.00.00.G10-KQ004631	Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới, bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực bảo vệ thực vật, thú y, thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
			<b>Kết quả giải quyết:</b> Văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá theo Mẫu số 32 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.	KQ.G10.000485	
5	1.004697.000.00.00.H59	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện: Đơn đề nghị theo Mẫu số 01.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;	000.00.00.G10-KQ004594	Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của Chủ tịch Ủy
			Bản thuyết minh điều kiện cơ sở theo Mẫu số	000.00.00.G10-	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			02.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.	KQ004595	ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới, bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực bảo vệ thực vật, thú y, thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
			Hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện: Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;	000.00.00.G10-KQ004596	
			Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đã cấp	000.00.00.G10-KQ004597	
			<b>Kết quả giải quyết:</b> giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện...	KQ.G10.000133	
6	1.003650.000.00.00.H59	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT	000.00.00.G10-KQ003360	Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới,
			Bản chính Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng tàu cấp theo Mẫu số 03.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;	000.00.00.G10-KQ003332	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			<p>Bản chính văn bản chấp thuận đóng mới đối với tàu cá hoặc văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền đối với tàu công vụ thủy sản;</p> <p>Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;</p> <p>Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);</p> <p>Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên).</p> <p>Bản chính Giấy chứng nhận cải hoán, sửa chữa tàu theo Mẫu số 04.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;</p> <p>Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký cũ;</p> <p>Văn bản chấp thuận cải hoán của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</p>	<p>000.00.00.G10-KQ003333</p> <p>000.00.00.G10-KQ004257</p> <p>000.00.00.G10-KQ004263</p> <p>000.00.00.G10-KQ003363</p> <p>000.00.00.G10-KQ003341</p> <p>000.00.00.G10-KQ003342</p> <p>000.00.00.G10-KQ003343</p>	<p>bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>
			<p>Bản chính Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu tàu theo quy định;</p> <p>Văn bản chấp thuận mua, bán tàu cá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp tàu cá mua bán trong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ</p>	<p>000.00.00.G10-KQ003348</p> <p>000.00.00.G10-KQ003349</p> <p>000.00.00.G10-</p>	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			<p>kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu;</p> <p>Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký.</p> <p>Bản sao có chứng thực văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá của cơ quan có thẩm quyền;</p> <p>Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá đã qua sử dụng;</p> <p>Bản sao có chứng thực Tờ khai Hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan</p> <p>Bản sao có chứng thực Biên lai nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>Bản chính văn bản chấp thuận cho thuê tàu trần do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;</p>	<p>KQ003350</p> <p>000.00.00.G10-KQ004255</p> <p>000.00.00.G10-KQ003356</p> <p>000.00.00.G10-KQ003357</p> <p>000.00.00.G10-KQ004265</p> <p>000.00.00.G10-KQ004261</p> <p>000.00.00.G10-KQ004267</p>	
			<p>Bản chính hợp đồng thuê tàu trần.</p>	<p>000.00.00.G10-KQ004268</p>	
			<p>Tờ khai đăng ký tàu cá có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chủ tàu đăng ký hộ khẩu thường trú theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BNNPTNT;</p> <p>Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m trở lên;</p> <p>Bản chính Thông báo nộp lệ phí trước bạ của</p>	<p>000.00.00.G10-KQ004674</p> <p>000.00.00.G10-KQ004675</p> <p>000.00.00.G10-</p>	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			tàu;	KQ004676	
			Giấy tờ mua bán theo quy định của pháp luật (nếu có);	000.00.00.G10-KQ004678	
			Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ (đối với trường hợp cải hoán, mua bán, tặng cho) (nếu có);	000.00.00.G10-KQ004679	
			Bản chính giấy chứng nhận xoá đăng ký đối với trường hợp mua bán, tặng cho hoặc chuyển tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nếu có);	000.00.00.G10-KQ004680	
			Các giấy tờ hợp pháp khác (nếu có).	000.00.00.G10-KQ004681	
			(Thời gian tiếp nhận hồ sơ đối với các tàu cá trong trường hợp này đến hết ngày 31/12/2024).	000.00.00.G10-KQ004682	
			<b>Kết quả giải quyết:</b> giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	KQ.G10.000141	
7	1.003681.000.00.00.H59	Xoá đăng ký tàu cá	Tờ khai xoá đăng ký tàu cá theo Mẫu số 10.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT	000.00.00.G10-KQ003376	Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới và
			Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do.	000.00.00.G10-KQ003377	
			<b>Kết quả giải quyết:</b> Giấy chứng nhận xoá đăng	KQ.G10.000139	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			ký tàu cá		bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	1.004359.000.00.00.H59	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	Đơn đề nghị theo Mẫu số 21 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP	000.00.00.G10-KQ004626	Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới, bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực bảo vệ thực vật, thú y, thủy sản thuộc thẩm quyền giải
			Bản chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đối với tàu cá theo quy định phải đăng kiểm	000.00.00.G10-KQ004627	
			Bản chụp văn bằng hoặc chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá đối với loại tàu cá theo quy định phải có văn bằng hoặc chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá	000.00.00.G10-KQ004628	
			Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP	000.00.00.G10-KQ004629	
			Bản chính giấy phép khai thác thủy sản đã được cấp, trong trường hợp thay đổi thông tin trong giấy phép	000.00.00.G10-KQ004630	
			<b>Kết quả giải quyết:</b> Giấy phép khai thác thủy sản theo Mẫu số 22 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.	KQ.G10.000483	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
					quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	1.003666.000.00.00.H59	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	<p>Bản sao Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác có mô tả nguyên liệu đã sử dụng theo mục B Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT; trường hợp nguyên liệu thủy sản chưa sử dụng hết, tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận nộp bản chính Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác để cơ quan thẩm quyền xác nhận phần nguyên liệu chưa sử dụng; Trường hợp nguyên liệu thủy sản đã sử dụng hết, cơ quan thẩm quyền thu bản chính Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác và lưu hồ sơ.</p> <p>Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo Mẫu số 05 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT đối với sản phẩm xuất khẩu vào thị trường châu Âu hoặc theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT đối với sản phẩm xuất khẩu vào thị trường các nước thuộc Ủy ban quốc tế về bảo tồn cá ngừ Đại Tây Dương hoặc giấy chứng nhận theo yêu cầu của</p>	<p>000.00.00.G10-KQ003379</p> <p>000.00.00.G10-KQ003380</p>	<p>Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới và bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu đã kê khai đầy đủ thông tin;		
			Thông tin bổ sung cho sản phẩm thủy sản được chế biến từ tàu cá Việt Nam và Thông tin vận tải theo Mẫu số 02a, 02b Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT.	000.00.00.G10-KQ003381	
			Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT;		
			Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo Mẫu số 05 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT hoặc giấy chứng nhận theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu đã kê khai đầy đủ thông tin;	000.00.00.G10-KQ003382	
			Bản gốc Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác bị rách, nát không còn nguyên vẹn, bị sai thông tin (trừ trường hợp giấy chứng nhận bị mất).	000.00.00.G10-KQ003383	
			<b>Kết quả giải quyết:</b> Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác	KQ.G10.000140	
10	1.003634.000.00.00.H59	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá theo Mẫu số 07.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-	000.00.00.G10-KQ003390	Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 28/3/2022



STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			BNNPTNT; Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hoặc Giấy xác nhận đã đăng ký, Giấy chứng nhận đăng ký tàu công vụ thủy sản cũ; trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do; Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên; Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu). <i>Kết quả giải quyết:</i> giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	000.00.00.G10-KQ003391 000.00.00.G10-KQ003392 000.00.00.G10-KQ004274 KQ.G10.000141	của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới và bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản</b>				
1	2.001838.000.00.00.H59	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	Phiếu kiểm soát thu hoạch theo mẫu	000.00.00.G10-KQ0617	Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi,
			<i>Kết quả giải quyết:</i> Giấy chứng nhận xuất xứ nhuyễn thể hai mảnh vỏ	KQ.G10.000112	
2	2.001241.000.00.00.H59	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch)	<i>Kết quả giải quyết:</i> Phiếu kiểm soát thu hoạch theo mẫu Giấy chứng nhận xuất xứ nhuyễn thể hai mảnh	000.00.00.G10-KQ0617 000.00.00.G10-	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
		cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vỏ	vỏ theo mẫu nêu tại Phụ lục IX Thông tư số 33/2015/TT-BNNPTNT ngày 8/10/2015.	KQ0134	chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	2.001827.000.00.00.H59	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;	000.00.00.G10-KQ003686	Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 04/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới, bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và
			Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;	000.00.00.G10-KQ003687	
			Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;	000.00.00.G10-KQ003688	
			Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;	000.00.00.G10-KQ003689	
			Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định. Đối với thành phần hồ sơ quy định tại các điểm b, d và đ cơ sở gửi khi nộp hồ sơ hoặc cung cấp cho Đoàn thẩm định khi đến thẩm định thực tế tại cơ sở.	000.00.00.G10-KQ003690	
			<b>Kết quả giải quyết:</b> Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm	KQ.G10.000286	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
					Phát triển nông thôn
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực thú y</b>				
1	2.001064.000.00.00.H59	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	Đơn đăng ký cấp/gia hạn chứng chỉ hành nghề theo Phụ lục 3 Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ; Giấy chứng nhận sức khỏe; 02 ảnh 4x6. Đối với trường hợp cấp mới, nộp thêm: Văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với từng loại hình hành nghề thú y Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân; Lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền xác nhận (Đối với người nước ngoài); Chứng chỉ hành nghề thú y đã được cấp (trong trường hợp gia hạn); <b>Kết quả giải quyết:</b> Chứng chỉ hành nghề thú y	000.00.00.G10-KQ2517 000.00.00.G10-KQ2519 000.00.00.G10-KQ2268 000.00.00.G10-KQ2521 000.00.00.G10-KQ2522 000.00.00.G10-KQ2523 000.00.00.G10-KQ2273 KQ.G10.000239	Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	1.005319.000.00.00.H59	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai)	Đơn đăng ký cấp lại; Chứng chỉ hành nghề thú y đã được cấp, trừ	000.00.00.G10-KQ1955 000.00.00.G10-	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
		sốt, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	trường hợp bị mất.	KQ1956	
	02 ảnh 4x6.			000.00.00.G10-KQ2268	
	<b>Kết quả giải quyết:</b> Chứng chỉ hành nghề thú y			KQ.G10.000206	
3	1.001686.000.00.00.H59	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký);	000.00.00.G10-KQ003622	Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới, bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực thú y thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông
			- Chứng chỉ hành nghề thú y đối với người quản lý, người trực tiếp buôn bán thuốc thú y (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký).	000.00.00.G10-KQ003623	
			Đơn đăng ký cấp, gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT	000.00.00.G10-KQ003933	
			Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT	000.00.00.G10-KQ2236	
			<b>Kết quả giải quyết:</b> Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	KQ.G10.000252	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
					ng nghiệp và Phát triển nông thôn
4	1.004839.000.00.00.H59	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi trong trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký;	000.00.00.G10-KQ2286	Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
			Đơn đăng ký cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXI ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT.	000.00.00.G10-KQ2231	
			Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất.	000.00.00.G10-KQ2233	
			<b>Kết quả giải quyết:</b> Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	KQ.G10.000209	
5	1.004022.000.00.00.H59	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XLII ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT	000.00.00.G10-KQ2331	Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc
			Bản sao chụp giấy chứng nhận đăng ký thuốc thú y;	000.00.00.G10-KQ2227	
			Sản phẩm quảng cáo (nội dung, hình thức quảng	000.00.00.G10-	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			cáo được thể hiện bằng hình ảnh, âm thanh, tiếng nói, chữ viết, biểu tượng, màu sắc, ánh sáng và các hình thức tương tự);	KQ2332	công bố mới danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
			Danh sách báo cáo viên ghi đầy đủ thông tin về bằng cấp chuyên môn hoặc chức danh khoa học của báo cáo viên đối với trường hợp hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hoá, thể thao (đóng dấu xác nhận của Doanh nghiệp).	000.00.00.G10-KQ2333	
			<b>Kết quả giải quyết:</b> Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	KQ.G10.000212	
6	2.002132.000.00.00.H59	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận VSTY theo Mẫu 01 của Phụ lục Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y.	000.00.00.G10-KQ003498	Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới, bãi bỏ Danh mục thủ tục

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			Bản chính Mô tả tóm tắt về cơ sở theo Mẫu 02 của Phụ lục Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y.	000.00.00.G10-KQ003497	hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ lĩnh vực bảo vệ thực vật, thú y thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
			<b>Kết quả giải quyết:</b> Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y	KQ.G10.000271	
7	1.011478.000.00.00.H59	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)	Văn bản đề nghị theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;	000.00.00.G10-KQ003795	Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới, bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ lĩnh vực bảo vệ thực vật, thú y, lâm
			Bản mô tả thông tin về vùng đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.	000.00.00.G10-KQ003790	
			Báo cáo khắc phục sai lỗi (đối với trường hợp vùng phải thực hiện khắc phục nếu kiểm tra thực tế tại cơ sở không đạt yêu cầu theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 29 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT)	000.00.00.G10-KQ003798	
			<b>Kết quả giải quyết:</b> Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)	KQ.G10.000296	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
					nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	1.011475.000.00.00.H59	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)	Đơn đăng ký theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;	000.00.00.G10-KQ003787	Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới, bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ lĩnh vực bảo vệ thực vật, thú y, lâm nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát
			Bản mô tả thông tin về cơ sở đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.	000.00.00.G10-KQ003777	
			Báo cáo khắc phục sai lỗi (đối với trường hợp cơ sở phải thực hiện khắc phục nếu kiểm tra thực tế tại cơ sở không đạt yêu cầu theo quy định)	000.00.00.G10-KQ003791	
			<b>Kết quả giải quyết:</b> Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)	KQ.G10.000297	



STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
					triển nông thôn
9	1.011477.000.00.00.H59	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)	Đơn đăng ký theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.	000.00.00.G10-KQ003787	Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới, bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ lĩnh vực bảo vệ thực vật, thú y, lâm nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
			Báo cáo khắc phục sai lỗi	000.00.00.G10-KQ003798	
			Báo cáo xử lý dịch bệnh và kết quả giám sát dịch bệnh.	000.00.00.G10-KQ003796	
			<b>Kết quả giải quyết:</b> Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)	KQ.G10.000296	
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp</b>				
1	1.000045.000.00.00.H59	Xác nhận bảng kê lâm sản.	Bản chính Đơn đề nghị xác nhận Bảng kê lâm sản theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm	000.00.00.G10-KQ004464	Quyết định số 575/QĐ-UBND

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			<p>theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT;</p> <p>Bản chính Bảng kê lâm sản tương ứng với từng loại lâm sản đề nghị xác nhận theo Mẫu số 01 hoặc Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT;...</p> <p>Bản sao quyết định phê duyệt dự án lâm sinh hoặc bản sao tài liệu chứng minh việc thực hiện các biện pháp lâm sinh;</p> <p>Bản sao Phương án khai thác tận dụng gỗ loài thông thường từ rừng tự nhiên được phê duyệt.</p> <p>Bản chính Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản đối với chủ lâm sản là tổ chức, hộ kinh doanh theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT</p> <p>Bản sao Bảng kê lâm sản do Cơ quan Kiểm lâm được giao xử lý tài sản lập hoặc Bản sao Bảng kê lâm sản do cơ quan được giao xử lý tài sản lập có xác nhận của Cơ quan Kiểm lâm sở tại..</p> <p>Bản chính Bảng kê lâm sản tương ứng với từng loại lâm sản đề nghị xác nhận theo Mẫu số 02, Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT, Mẫu số 04 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT;...</p>	<p></p> <p>000.00.00.G10-KQ004420</p> <p>000.00.00.G10-KQ004425</p> <p>000.00.00.G10-KQ004426</p> <p>000.00.00.G10-KQ004466</p> <p>000.00.00.G10-KQ004434</p> <p>000.00.00.G10-KQ004436</p> <p>000.00.00.G10-</p>	<p>ngày 08/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới, bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>
			Bản sao bảng kê gỗ nhập khẩu theo Mẫu số 01	000.00.00.G10-	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			<p>hoặc Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (sau đây viết tắt là Nghị định số 102/2020/NĐ-CP).</p> <p>Một trong các tài liệu sau: + Trường hợp gỗ thuộc Phụ lục CITES: Bản sao giấy phép CITES xuất khẩu hoặc tái xuất khẩu do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES nước xuất khẩu hoặc nước tái xuất khẩu cấp; Bản sao giấy phép CITES nhập khẩu do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam cấp; + Trường hợp gỗ nhập khẩu từ quốc gia đã ký kết Hiệp định gỗ hợp pháp với EU và đang vận hành hệ thống cấp phép FLEGT: Bản sao giấy phép FLEGT xuất khẩu do cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp; + Trường hợp lô hàng gỗ nhập khẩu không thuộc quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP: Bảng kê khai nguồn gốc gỗ nhập khẩu theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP</p>	<p>KQ004443</p> <p>000.00.00.G10-KQ004444</p>	
			<p>Đối với loài thuộc Phụ lục CITES: Bản sao tờ khai hải quan theo quy định pháp luật; bản sao hoặc bản điện tử giấy phép CITES nhập khẩu</p>	<p>000.00.00.G10-KQ004448</p>	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (Nghị định số 84/2021/NĐ-CP);		
			Đối với loài không thuộc Phụ lục CITES: Bản sao tờ khai hải quan theo quy định pháp luật; bản sao Bảng kê lâm sản do chủ lâm sản lập hoặc bản sao packing-list/log-list do tổ chức, cá nhân lập theo quy định của nước xuất khẩu....	000.00.00.G10-KQ004449	
			Bản chính Sổ theo dõi nuôi đối với chủ cơ sở nuôi động vật rừng xuất bán động vật rừng theo quy định của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;	000.00.00.G10-KQ004461	
			Bản sao Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT.	000.00.00.G10-KQ004454	
			Bản chính Bảng kê lâm sản theo Mẫu số 04 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số	000.00.00.G10-	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			22/2023/TT-BNNPTNT	KQ004460	
			<b>Kết quả giải quyết:</b> Xác nhận Bảng kê lâm sản; xác nhận lâm sản tồn trong Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản đối với chủ lâm sản là tổ chức, hộ kinh doanh xuất bản lâm sản; xác nhận Sổ theo dõi nuôi đối với chủ cơ sở nuôi động vật rừng xuất bán động vật rừng theo quy định của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp	KQ.G10.000463	
2	1.004815.000.00.00.H59	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES	Đề nghị cấp mã số cơ sở nuôi, trồng theo Mẫu số 03 quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ.	000.00.00.G10-KQ1580	Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở
			Bản chính Phương án nuôi theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ (đối với động vật).	000.00.00.G10-KQ003206	
			Bản chính phương án trồng theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ (đối với thực vật).	000.00.00.G10-KQ003207	
			<b>Kết quả giải quyết:</b> Mã số cơ sở nuôi hoặc văn bản từ chối cấp mã số cơ sở nuôi	KQ.G10.000041	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
					Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực Chăn nuôi</b>				
1	1.008129.000.00.00.H59	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (theo Mẫu số 01.ĐKCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).	000.00.00.G10-KQ2899	Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
			Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân trong Giấy chứng nhận	000.00.00.G10-KQ004584	
			Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đã được cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận bị mất.	000.00.00.G10-KQ2901	
			<b>Kết quả giải quyết:</b> Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi.	KQ.G10.000259	
2	1.008128.000.00.00.H59	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Bản thuyết minh về điều kiện chăn nuôi (theo Mẫu số 02.ĐKCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).	000.00.00.G10-KQ2897	Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (theo Mẫu số 01.ĐKCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).	000.00.00.G10-KQ2896	ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
			<b>Kết quả giải quyết:</b> Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi.	KQ.G10.000259	
3	1.008126.000.00.00.H59	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng.	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (theo Mẫu số 01.TĂCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).	000.00.00.G10-KQ2888	Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và
			Bản thuyết minh điều kiện sản xuất (theo Mẫu số 02.TĂCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).	000.00.00.G10-KQ2889	
			Quy trình kiểm soát chất lượng của cơ sở sản xuất (theo Mẫu số 03.TĂCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21	000.00.00.G10-KQ2890	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).		Phát triển nông thôn
			Bản tóm tắt quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn truyền thống và nguyên liệu đơn.	000.00.00.G10-KQ003423	
			<b>Kết quả giải quyết:</b> Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.	KQ.G10.000258	
4	1.008127.000.00.00.H59	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (theo Mẫu số 01.TĂCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).	000.00.00.G10-KQ2893	Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
			Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân (tên cơ sở, tên địa chỉ cơ sở sản xuất, địa chỉ trụ sở) trong Giấy chứng nhận.	000.00.00.G10-KQ2894	
			<b>Kết quả giải quyết:</b> Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.	KQ.G10.000258	
5	1.012832.000.00.00.H59	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu	Đề xuất dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả	000.00.00.G10-KQ004791	Quyết định số 1538/QĐ-



STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
		quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	<p>thi của dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng;</p> <p>Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư quy định tại Điều 30, 31 và 32 Luật Đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Đầu tư;</p> <p>Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (đối với nội dung hỗ trợ kinh phí mua thiết bị từ nước ngoài để sản xuất nguyên liệu đơn làm thức ăn bổ sung trong nước đối với dự án có công suất sản xuất thiết kế tối thiểu 30 tấn/năm);</p> <p>Văn bản chứng minh thuộc đối tượng di dời (đối với nội dung hỗ trợ chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ chăn nuôi theo diện tích chuồng trại hiện có của cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng phải di dời);</p> <p>Văn bản đề xuất hỗ trợ đầu tư theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP;</p> <p>Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi (đối với nội dung hỗ trợ công trình khí sinh học xử lý chất thải chăn nuôi đối với trang trại chăn nuôi quy mô lớn);</p>	<p></p> <p>000.00.00.G10-KQ004792</p> <p>000.00.00.G10-KQ004793</p> <p>000.00.00.G10-KQ004794</p> <p>000.00.00.G10-KQ004790</p> <p>000.00.00.G10-KQ004795</p>	<p>UBND ngày 09/9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực chăn nuôi thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: các thành phần hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao chứng thực hoặc bản chụp không chứng thực kèm bản chính để đối chiếu.	000.00.00.G10-KQ004796	
			Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử: các thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.	000.00.00.G10-KQ004797	
			<b>Kết quả giải quyết:</b> Văn bản thẩm tra hỗ trợ đầu tư	KQ.G10.000519	
6	1.012833.000.00.00.H59	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Văn bản đề nghị nghiệm thu theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP	000.00.00.G10-KQ004798	Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 09/9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực
			Báo cáo kiểm toán độc lập đối với chi phí xây dựng, chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ của công trình, hạng mục công trình dự kiến được hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 106/2024/NĐ-CP;	000.00.00.G10-KQ004799	
			Hồ sơ quyết toán công trình, hạng mục công trình dự kiến được hỗ trợ;	000.00.00.G10-KQ004800	
			Báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh quý gần nhất trong trường hợp đang tiến hành sản xuất, kinh doanh.	000.00.00.G10-KQ004801	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			<b>Kết quả giải quyết:</b> Quyết định hỗ trợ đầu tư cho tổ chức, cá nhân	KQ.G10.000520	chăn nuôi thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	1.012834.000.00.00.H59	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	<p>Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí theo Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 106/2024/NĐ-CP;</p> <p>Hoá đơn, chứng từ liên quan đến các khoản mục chi phí.</p> <p>Giấy xác nhận về nguồn gốc hoặc lý lịch vật nuôi;</p> <p>Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật (nếu có);</p> <p>Chứng từ, hoá đơn mua bán con giống hoặc hợp đồng, thanh lý hợp đồng mua bán con giống;</p> <p>Biên bản nghiệm thu gà, vịt, ngan giống cấp bố mẹ sau 38 tuần tuổi.</p> <p><b>Kết quả giải quyết:</b> Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ.</p>	<p>000.00.00.G10-KQ004802</p> <p>000.00.00.G10-KQ004803</p> <p>000.00.00.G10-KQ004804</p> <p>000.00.00.G10-KQ004805</p> <p>000.00.00.G10-KQ004806</p> <p>000.00.00.G10-KQ004807</p> <p>KQ.G10.000521</p>	Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 09/9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực chăn nuôi thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ	Mã thành phần hồ sơ (theo mã CSDL Công DVC Quốc gia)	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
					triển nông thôn
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực khoa học công nghệ môi trường và khuyến nông</b>				
1	1.009478.000.00.00.H59	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	<p>Báo cáo tự đánh giá gồm các thông tin sau: Tên tổ chức, cá nhân; địa chỉ; điện thoại, fax; + Tên sản phẩm, hàng hóa, nhà sản xuất; + Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật; + Kết quả thử nghiệm chất lượng sản phẩm hàng hóa nhóm 2 theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng; + Kết luận sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật; + Cam kết chất lượng sản phẩm hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và kết quả tự đánh giá.</p> <p>Bản sao y bản chính Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng kèm theo mẫu dấu hợp quy do tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp cho tổ chức, cá nhân.</p> <p><b>Kết quả giải quyết:</b> Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy</p>	<p>000.00.00.G10-KQ3085</p> <p>000.00.00.G10-KQ3086</p> <p>KQ.G10.000162</p>	Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn